

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Tài

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên
tòa: Bùi Thị Thái Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022
về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
29/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số
17/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số 113, ấp A, xã
B, huyện L, tỉnh T (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiết T1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 11, ấp T, xã N,
huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 30-5-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên
đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiết T1 tự nguyện đi đến hôn
nhân vào ngày 01-7-2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô. Sau
khi kết hôn anh chị về chung sống tại ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh
An Giang. Quá trình chung sống chị và anh T1 có với nhau 02 con chung tên Nguyễn
Thị Yên N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yên N1, sinh ngày 03-8-2018. Sau
đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 6/2021 nguyên nhân chính do bất
đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thể hòa

hợp, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi đe dọa, có những lời nói xúc phạm chị. Chị và anh T1 đã ly thân từ tháng 12/ 2021 đến nay. Nay chị T nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng anh T1, chị xin ly hôn với anh Nguyễn Tiết T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yên N1, sinh ngày 03-8-2018, hiện đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiết T1 Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh T1 để tham gia tố tụng nhưng anh T1 vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không tiếp nhận lời khai của anh T1.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T1; yêu cầu nuôi dưỡng con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiết T1 Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh T1 để tham gia tố tụng nhưng anh T1 vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 71 BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt vi phạm Điều 72 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn nên phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng và được xem là hôn nhân hợp pháp có giá trị pháp lý. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng anh T1 nóng nảy, nhậu về nói những lời nói xúc phạm chị T, bất đồng quan điểm sống, chị T dẫn con về nhà mẹ ruột sống và ly thân với anh T1 từ tháng 12/2021 đến nay.

Căn cứ biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 ngày 17-02-2023: Từ tháng 01-2021 đến nay chị T và anh T1 không còn chung sống vợ chồng với nhau, sau khi ly thân chị T dẫn 02 con về quê tại tỉnh Đồng Tháp để sinh sống, không rõ xảy ra mâu thuẫn phát sinh giữa hai vợ chồng. Chị T và anh T1 có cãi nhau về vấn đề chung thủy vợ chồng, đầu năm 2022 chị T dẫn con về quê chị T sinh sống.

Nhận thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, quá trình chung sống anh T1 dùng những lời lẽ sỉ nhục không tôn trọng chị T. Thời gian ly thân đã lâu nhưng vẫn không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do vậy, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T1 là có cơ sở chấp nhận.

Riêng anh T1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án do người thân nhận thay và từ chối nhận các thông báo khác do Tòa án tổng đạt, không đến và không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án, như vậy anh T1 từ bỏ quyền của mình.

Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 03-8-2018. Nhận thấy bé Ngân có nguyện vọng muốn sống với mẹ T, còn bé Ngọc còn nhỏ tuổi. Để tránh xáo trộn tâm lý, học tập, sinh hoạt của các cháu, cần thiết giao 02 cháu cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không có yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên đề nghị Tòa án áp dụng: Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh T1

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con, giao các bé Ngân và bé Ngọc cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Tiết T1 cư trú tại tổ 11, ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tiết T1, đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Tiết T1.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Tiết T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 01-7-2013 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa anh và chị sau khi kết hôn chung sống vợ chồng được một thời gian, phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T1 không hạnh phúc, vợ chồng không thể hòa hợp, mâu thuẫn với gia đình bên chồng, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt có những lời lẽ xúc phạm chị. Giữa chị và anh T1 đã ly thân với nhau từ tháng 12/2021 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh T1.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1, nhằm đảm bảo quyền lợi của anh T1 theo quy định của pháp luật để anh T1 được trình bày ý kiến, nhưng anh T1 từ chối nhận văn bản và anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T1.

Theo biên bản xác minh qua biên bản ghi nhận ý kiến ông Nguyễn Tiết Sơn là chú của ông Nguyệt Tiết T1 trình bày tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng, anh T1 nhiều lần bức xúc, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau về vấn đề chung thủy vợ chồng. Khoảng đầu năm 2022 chị T cùng 02 con tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 03-8-2018 bỏ địa phương về Đồng Tháp sinh sống đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 17-02-2023 ban ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 được biết hiện nay chị T và anh T1 không còn chung sống vợ chồng đã sống ly thân. Hiện chị T đã cùng 02 con tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 03-8-2018 về Đồng Tháp sinh sống. Anh T1 vẫn còn thường xuyên sinh sống tại ấp Tô Trung, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 ban ấp không xác định được nguyên nhân.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình, tuy nhiên giữa chị T và anh T1 không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa chị T và anh T1 không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn giữa anh và chị phát sinh từ tháng 6-2021 và ly thân từ tháng 12-2021 cho đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tiết T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 03-8-2018, hiện đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhằm ghi nhận ý kiến anh T1, anh T1 từ chối nhận văn bản và anh T1 vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa chị T vẫn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị T và anh T1 ly thân đến nay, cháu Nguyễn Thị Yến N, và Nguyễn Thị Yến N1 đều do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Bên cạnh đó cháu Ngân có nguyện vọng muốn sống với mẹ là chị T sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện các cháu, tránh xáo trộn đời sống tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 03-8-2018 cho chị Nguyễn Thị Bé T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Tiết T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68/GKH, ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27-6-2013 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 03-8-2018 cho chị Nguyễn Thị Bé T được

tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiết T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009754 ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND xã Núi Tô;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan